

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23-10-2019

V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Tiến

Ông Trần Ngọc Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-9-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08-10-2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NTVH; địa chỉ: Số 112B/99 A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh DQD; địa chỉ: Số 112B/99 A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28-02-2019, các Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTVH trình bày:

Chị NTVH và anh DQD xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận B, thành phố Hải Phòng từ ngày 30-5-2003. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về tính cách và lối sống, dẫn đến nhiều vấn đề vợ chồng không thống nhất được với nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Khoảng

tháng 10-2018, anh DQD bỏ nhà đi, không liên lạc, báo tin tức, địa chỉ của mình cho vợ, con. Đến nay, anh DQD đi đâu, làm gì, sinh sống ở đâu, chị NTVH không biết. Anh DQD thỉnh thoảng có liên lạc về với anh trai của anh DQD để hỏi thăm sức khỏe và liên lạc với chị NTVH để hỏi thăm tình hình các con. Lần nào liên lạc về, anh DQD và chị NTVH đều cãi nhau, anh DQD chỉ nói đang làm việc trong Nam, nhưng không nói địa chỉ chỗ ở hiện nay. Qua đó, chị NTVH cho rằng anh DQD không muốn đoàn tụ gia đình. Vì vậy, chị NTVH đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh DQD.

Về con chung: Chị NTVH và anh DQD có 02 con chung là D, sinh ngày 18-11-2003 và E, sinh ngày 18-01-2009. Hiện tại, hai con chung đang sống cùng chị NTVH. Chị NTVH đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị NTVH không yêu cầu, vì chưa gặp được anh DQD, không biết được hoàn cảnh anh DQD hiện nay như thế nào. Khi cần thiết về việc cấp dưỡng nuôi con, chị NTVH sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Về tài sản chung: Chị NTVH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh DQD vắng mặt tại nơi cư trú, vắng mặt toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Vì vậy, không có lời khai và bất cứ ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn, đã thực hiện đăng tin báo trên Báo, Đài và Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 49, Điều 97, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn, anh DQD được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Xét thấy, chị NTVH và anh DQD kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận B, thành phố Hải Phòng nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, biên bản ghi ý kiến của gia đình bị đơn, nguyên đơn, thấy rằng quá trình chung sống giữa chị NTVH và anh DQD đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Khoảng tháng 10-2018, anh DQD đi khỏi nơi cư trú, không khai báo tạm vắng theo qui định, không thông tin cho chị NTVH biết đi đâu. Chị NTVH đã áp dụng các biện pháp tìm kiếm cần thiết nhưng vẫn không biết hiện nay anh DQD đi đâu, ở đâu và làm gì. Chỉ biết rằng anh DQD đôi khi vẫn có liên lạc về cho chị và anh trai, chỉ nói đang làm việc trong Nam. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị NTVH và anh DQD là có thật. Việc anh DQD đi khỏi nơi cư trú, không chung sống với chị NTVH, có nguyên nhân từ mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng kéo dài, không giải quyết được. Chị NTVH không đề nghị đoàn tụ gia đình với anh DQD. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị NTVH ly hôn với anh DQD là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là D, sinh ngày 18-11-2003 và E, sinh ngày 18-01-2009. Xét thấy, hiện nay các con chung đang do chị NTVH trực tiếp nuôi dưỡng. Việc giao các con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện thực tế, hoàn cảnh của nguyên đơn và nguyện vọng của các con. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai con chung cho chị NTVH trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị NTVH không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phía bị đơn, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không có được ý kiến, lời khai của bị đơn như đã nêu trên. Bởi vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân

sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị NTVH và anh DQD được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu D, sinh ngày 18-11-2003 và E, sinh ngày 18-01-2009 cho chị NTVH trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị NTVH phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0008217, ngày 15-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Chị NTVH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND phường C,
B, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Huyền